

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 378/2020/HS-ST
Ngày: 23-7-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA,
TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh.
Bà Nguyễn Thị Nhận.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trương Kim Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 345/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 377/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Trùng D (Tên gọi khác: D bông hồng), sinh năm 1987 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: 54/2B tổ 1, khu phố 2, phường E, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thái P, sinh năm 1963 và bà Phan Thị H, sinh năm 1964; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con lớn; có vợ tên Đoàn Thị Mỹ N, sinh năm 1997 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2014;

Tiền án: Ngày 10/3/2010, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 04 (Bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Chưa thi hành phần trách nhiệm bồi thường dân sự trong vụ án.

Tiền sự: Ngày 29/4/2016, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc. Đến ngày 06/10/2017, được miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa từ ngày 03/01/2020 (Có mặt).

2. Phạm Trung N1, sinh ngày 13 tháng 03 năm 1997 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: khu phố C, phường D thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hữu P1, sinh năm 1960 (chết) và bà Tạ Thị N2, sinh năm 1960; Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con út; Có vợ tên Phạm Thị Thùy T, sinh năm 1999 và có 01 con sinh năm 2019;

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 02/6/2016, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc. Đến ngày 26/10/2017, được miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

Nhân thân: Ngày 25/02/2020, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 01 (Một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa từ ngày 03/01/2020 (Có mặt).

Bị hại:

Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1997; Nơi cư trú: xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1985; Nơi cư trú: D29 khu phố 5, phường X, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Quốc A, sinh năm 2000; Nơi cư trú: xã L, huyện V, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

Chị Phan Thị Thùy T2, sinh năm 1999; Nơi cư trú: 144/4 khu phố 3, phường F, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trùng D đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Nguyễn Trùng D quen biết với anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1997, ngụ tại: xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau và cùng ở nhà nghỉ với nhau. Do bị mất giỏ xách nên D nghi ngờ anh K là người làm mất nên khoảng 14 giờ 30 phút ngày 16/8/2019, D đến phòng trọ của anh Lê Minh B1 ở khu phố 12, phường E thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để gặp anh K và yêu cầu anh K bồi thường giỏ xách cho mình bằng tiền. Khi anh K không đồng ý bồi thường thì D gọi anh K ra khỏi phòng trọ, dùng dây kẽm buộc chặt khoen cửa bên ngoài để không cho những người trong phòng trọ gồm anh Lê Minh B1, chị Lê Thùy L và anh Nguyễn Quốc A ra ngoài. Sau đó D hỏi anh K đền tiền giỏ xách của D như thế nào thì anh K nói không có tiền, khi nào có tiền anh K

sẽ đưa. D tức giận dùng tay, chân đánh anh K và hỏi xe mô tô của K ở đâu. Do bị D đánh nên anh K sợ và chỉ xuống cuối dãy trọ nơi để 03 xe mô tô, trong đó có xe mô tô nhãn hiệu Wand, màu đỏ, biển số 66H8-4913 là xe của anh Nguyễn Quốc A. Do trước đó D có thấy anh K sử dụng xe mô tô màu đỏ nên D cho rằng xe mô tô biển số 66H8-4913 là của anh K. D đi đến phá khóa cổ xe, rút dây công tắc điện, nổ máy chạy ra và nói với anh K khi nào có 2.000.000 đồng đưa cho D sẽ trả lại xe. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, D điều khiển xe mô tô vừa chiếm đoạt được đến nhà anh Huỳnh Ngọc T3 tại phường H, thành phố Biên Hòa gửi nhờ chiếc xe thì anh T3 đồng ý.

Vật chứng thu giữ gồm:

01 xe mô tô nhãn hiệu Wand, màu đỏ, biển số 66H8-4913 do anh Huỳnh Ngọc T3 tự nguyện giao nộp.

Tại Kết luận định giá tài sản số 380/TCKH-HĐĐG ngày 29/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận: *Giá trị xe mô tô nhãn hiệu Wand, màu đỏ, số khung 803238, số máy FMG-80003238, biển số 66H8-4913 định giá là 1.710.000 đồng (Một triệu bảy trăm mười nghìn đồng).*

Nguyễn Trùng D và Phạm Trung N1 cùng thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 27/12/2019, Nguyễn Trùng D mượn xe mô tô nhãn hiệu Attila Elizabeth, màu đỏ, gắn biển số 54Z5-2879 của chị Nguyễn Thị Thảo V đến phòng trọ của Phạm Trung N1 tại khu phố 2, phường X, thành phố Biên Hòa để rủ N1 đi trộm cắp tài sản thì N1 đồng ý. Đến khoảng 10 giờ 45 phút cùng ngày, D điều khiển xe mô tô biển số 54Z5-2879 chở N1 đi đến dãy nhà trọ thuộc khu phố 5, phường X, thành phố Biên Hòa thì phát hiện không có người, D đứng ngoài cánh giới còn N1 đi đến phòng trọ số 03 do anh Nguyễn Văn T1 thuê trọ và nhặt 01 cây sắt, dài khoảng 40 cm ở gần đó cạy bung khoen cửa. N1 đi vào bên trong phòng mở tủ sắt lấy được 42.000.000 đồng rồi đi ra ngoài để D chở về. N1 chia cho D 21.000.000 đồng, còn N1 dùng tiền trộm được mua 01 cần câu cá hết 3.000.000 đồng. Số tiền còn lại D và N1 đã tiêu xài cá nhân hết.

- Vật chứng thu giữ gồm:

01 xe mô tô nhãn hiệu Attila Elizabeth, màu đỏ, gắn biển số 54Z5-2879 do chị Nguyễn Thị Thảo V tự nguyện giao nộp.

- Phân trách nhiệm dân sự:

Anh Nguyễn Quốc A đã nhận lại tài sản là xe mô tô biển số 66H8-4913 và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Anh Nguyễn Văn K bị thương nhẹ đã từ chối giám định thương tích và không có yêu cầu bồi thường.

Anh Nguyễn Văn T1 yêu cầu bồi thường số tiền 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng). Hiện các bị cáo vẫn chưa bồi thường.

- *Về xử lý vật chứng:*

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho anh Nguyễn Quốc A xe mô tô nhãn hiệu Wand, màu đỏ, số khung 803238, số máy FMG-80003238, biển số 66H8-4913.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Attila Elizabeth, màu đỏ, gắn biển số 54Z5-2879, qua xác minh đã xác định biển số 54Z5-2879 là biển số giả, đồng thời chưa làm việc được với chị V để xác định chủ sở hữu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục tạm giữ xe mô tô để xử lý theo quy định của pháp luật.

01 cây sắt, dài khoảng 40 cm và 01 cần câu cá, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã truy tìm nhưng không tìm thấy.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Trùng D thừa nhận hành vi dùng vũ lực chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Wand, biển số 66H8-4913, sau đó lại cùng với Phạm Trung N1 lén lút chiếm đoạt số tiền 42.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn T1. Quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo Nguyễn Trùng D, Phạm Trung N1 không có ý kiến khiếu nại đối với các quyết định, hành vi của cơ quan, người tiến hành tố tụng cũng như kết luận định giá tài sản số 380/TCKH-HĐĐG ngày 29/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Biên Hòa.

Anh Nguyễn Văn T1 trình bày: Các bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 42.000.000 đồng của anh nhưng đến nay vẫn chưa bồi thường. Anh đề nghị các bị cáo phải bồi thường cho anh số tiền 42.000.000 đồng. Về hình phạt thì anh đề nghị xử lý theo quy định.

Bản cáo trạng số 363/CT-VKSBH ngày 25/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Trùng D về tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm h khoản 2 Điều 168 và “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 và Phạm Trung N1 về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (được sửa đổi, bổ sung 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Trùng D vẫn thừa nhận hành vi dùng vũ lực chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Wand, biển số 66H8-4913, sau đó lại cùng với Phạm Trung N1 lén lút chiếm đoạt số tiền 42.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn T1.

Tại Kết luận định giá tài sản số 380/TCKH-HĐĐG ngày 29/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận: *Giá trị xe mô tô nhãn hiệu Wand, màu đỏ, số khung 803238, số máy FMG-80003238,*

biển số 66H8-4913 định giá là 1.710.000 đồng (Một triệu bảy trăm mười nghìn đồng).

Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phạm Trung N1 về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Nguyễn Trùng D về tội “Cướp tài sản” và “Trộm cắp tài sản”; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trùng D từ 07 năm tù đến 07 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 (áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo D) của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trùng D từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Trung N1 từ 20 tháng tù đến 26 tháng tù.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Buộc các bị cáo Nguyễn Trùng D, Phạm Trung N1 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Văn T1 số tiền 42.000.000 đồng

Anh Nguyễn Quốc A đã nhận lại tài sản và anh Nguyễn Văn K bị thương nhẹ đã từ chối giám định thương tích, đồng thời không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Về xử lý vật chứng:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho anh Nguyễn Quốc A xe mô tô nhãn hiệu Wand, màu đỏ, biển số 66H8-4913, số khung 803238, số máy FMG-80003238.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Attila Elizabeth màu đỏ gắn biển số 54Z5 – 2879 là biển số giả, đồng thời chưa làm việc được với chị Nguyễn Thị Thảo V để xác định chủ sở hữu. Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục tạm giữ xe mô tô để xác minh và xử lý sau.

01 cây sắt, dài khoảng 40 cm và 01 cần câu cá, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã truy tìm nhưng không tìm thấy

- Về án phí: Buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Trùng D nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin lỗi bị hại, bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và rất hối hận. Do không có việc làm nên trong lúc túng quẫn, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội; mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về chăm sóc cha mẹ già.

Bị cáo Phạm Trung N1 nói lời nói sau cùng: Bị cáo cũng xin lỗi bị hại, bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Do bị cáo thất nghiệp nên bị cáo suy nghĩ không thấu đáo, nhất thời phạm tội. Bị cáo rất hối hận mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về chăm sóc con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở tài liệu chứng cứ và lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đủ cơ sở xác định:

Hành vi phạm tội của Nguyễn Trùng D như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 16/8/2019, Nguyễn Trùng D đến phòng trọ của anh Lê Minh B1 ở khu phố 12, phường E, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai gặp anh Nguyễn Văn K để yêu cầu anh K bồi thường giở xích cho D. Khi anh K không đồng ý thì D dùng dây kẽm buộc chặt khoen cửa bên ngoài phòng trọ để không cho Lê Minh B1, chị Lê Thùy L và anh Nguyễn Quốc A ra ngoài. Sau đó, D dùng tay, chân đánh anh K và hỏi xe mô tô của anh K ở đâu. Do bị D đánh nên anh K sợ và chỉ xuống cuối dây trọ nơi để xe mô tô nhãn hiệu Wand, màu đỏ, biển số 66H8-4913 là xe của anh Nguyễn Quốc A. D nghĩ xe đó của anh K nên D đã phá khóa cổ xe, rút dây công tắc điện rồi nổ máy chạy ra và nói với anh K khi nào có 2.000.000 đồng đưa cho D thì D sẽ trả lại xe.

Hành vi phạm tội của Nguyễn Trùng D, Phạm Trung N1 như sau:

Ngày 27/12/2019, Nguyễn Trùng D mượn xe mô tô nhãn hiệu Attila Elizabeth, màu đỏ, gắn biển số 54Z5-2879 của chị Nguyễn Thị Thảo V đến rủ Phạm Trung N1 đi trộm cắp tài sản thì N1 đồng ý. Đến khoảng 10 giờ 45 phút cùng ngày, D và N1 đi đến dãy nhà trọ thuộc khu phố 5, phường X, thành phố Biên Hòa thì phát hiện không có người ở nhà, D đứng ngoài cánh giới còn N1 đi đến phòng trọ số 03 do anh Nguyễn Văn T1 thuê trọ và dùng 01 cây sắt, dài khoảng 40 cm cạy bung khoen cửa rồi đi vào phòng lấy được số tiền 42.000.000 đồng. N1 chia cho D 21.000.000 đồng, còn N1 mua 01 cần câu cá hết 3.000.000 đồng, số tiền còn lại D và N1 đã tiêu xài cá nhân hết.

[3] Tại Kết luận định giá tài sản số 380/TCKH-HĐĐG ngày 29/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận: *Giá trị xe mô tô nhãn hiệu Wand, màu đỏ, số khung 803238, số máy FMG-80003238, biển số 66H8-4913 định giá là 1.710.000 đồng (Một triệu bảy trăm mười nghìn đồng).*

[4] Do đó, hành vi của bị cáo Phạm Trung N1 đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và bị cáo Nguyễn Trùng D đã cấu thành tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm h khoản 2 Điều 168 và “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật công nhận và bảo vệ. Mặc dù các bị cáo nhận thức được hành vi dùng vũ lực và lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do muốn có tiền thỏa mãn nhu cầu của cá nhân nên các bị cáo vẫn cố ý phạm tội. Hành vi của các bị cáo còn gây tâm lý bất an trong nhân dân và ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo Nguyễn Trùng D đã có tiền án về tội “cướp giật tài sản” nhưng bị cáo vẫn không lấy đó làm bài học để sửa đổi mà vẫn tiếp tục phạm tội thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” là tình tiết quy định tại điểm h khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự. Do đó, cần có mức hình phạt thật nghiêm để cải tạo, răn đe đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm nói chung.

[6] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án “Trộm cắp tài sản” thì bị cáo Nguyễn Trùng D là người rủ rê, lôi kéo, còn bị cáo Phạm Trung N1 là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên mức hình phạt của các bị cáo là ngang nhau.

[7] Về nhân thân của bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Trùng D có tiền án về tội “Cướp giật tài sản”.

Bị cáo Phạm Trung N1 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 01 (Một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” vào ngày 25/02/2020.

[8] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với tội “Trộm cắp tài sản” thì bị cáo Nguyễn Trùng D có tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[9] Về biện pháp tư pháp:

Buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Văn T1 số tiền 42.000.000 đồng.

Anh Nguyễn Quốc A đã nhận lại xe mô tô nhãn hiệu Wand, màu đỏ, biển số 66H8-4913, số khung 803238, số máy FMG-80003238 và anh Nguyễn Văn K bị thương nhẹ đã từ chối giám định thương tích; đồng thời cả anh Quốc A và anh K không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét.

[10] Đối với xe mô tô nhãn hiệu Attila Elizabeth, màu đỏ, gắn biển số 54Z5-2879 là biển số giả, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục tạm giữ để xác minh và xử lý sau.

01 cây sắt dài khoảng 40 cm và 01 câu cá, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã truy tìm nhưng không tìm thấy.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Phạm Trung N1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và bị cáo Nguyễn Trùng D về tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm h khoản 2 Điều 168 và “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Trung N1 phạm tội “Trộm cắp tài sản” và Nguyễn Trùng D phạm tội “Cướp tài sản” và “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Trùng D 07 (bảy) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; (áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo D); Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017);

Xử phạt:

Bị cáo **Nguyễn Trùng D 02 (hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2020.

Bị cáo **Phạm Trung N1 02 (hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2020 nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 31/12/2019 đến ngày 07/01/2020.

- Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự 2015. Buộc bị cáo **Nguyễn Trùng D** phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **09 (chín) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2020.

- Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự 2015. Tổng hợp hình phạt **01 (một) năm tù** về tội “Trộm cắp tài sản” của Bản án số 78/2020/HS-ST ngày 25/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa. Buộc bị cáo **Phạm Trung N1** phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là **03 (ba) năm tù**.

Thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2020 được trừ thời gian tạm giam từ ngày 30/10/2019 đến ngày 08/11/2019.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Trùng D, Phạm Trung N1 liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Văn T1 số tiền 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Luật phí và lệ phí năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Trùng D, Phạm Trung N1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Trùng D, Phạm Trung N1 phải chịu 2.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Trùng D, Phạm Trung N1, bị hại anh Nguyễn Văn T1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh Nguyễn Văn K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc A, chị Phan Thị Thùy T1 vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan thi hành án hình sự thành phố Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Anh Đức

